

Bản tin Phân tích kỹ thuật

05/06/2026

Vietcap ▲



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G6000 hồi phục về cuối phiên, đóng cửa quanh đường MA50 (1.982 điểm), chưa đủ điều kiện xác nhận tín hiệu tăng. (M5)
- Dự báo hợp đồng sẽ tiếp cận vùng 1.995 điểm nếu xuất hiện nến đóng cửa vượt ngưỡng 1.982 điểm. Khuyến nghị mở vị thế mua khi thỏa điều kiện trên và dừng lỗ khi vi phạm ngưỡng 1.979 điểm.

Chiến lược:

- Mua khi vượt (BS): 1.982 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.995 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.979 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tiêu cực	Trung tính
VN30	Tiêu cực	Trung tính
VNMid	Tiêu cực	Tiêu cực
VNSmall	Tiêu cực	Tiêu cực
HNX	Trung tính	Tích cực

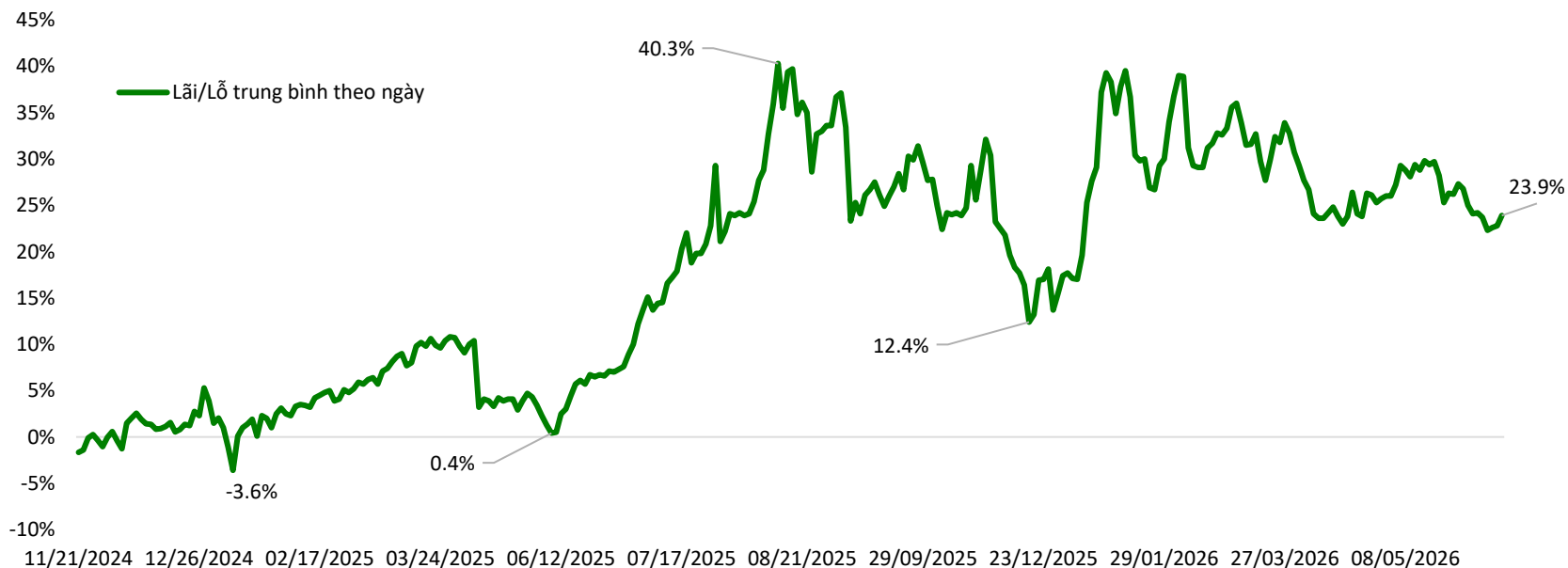


Nguồn: Vietcap

- VN-Index hồi phục chủ yếu nhờ tác động từ VIC và VJC, trong khi phần còn lại của thị trường điều chỉnh với 203 mã giảm so với 95 mã tăng. Về ngành, dù áp lực bán vẫn được tiết chế so với phiên 04/06, lực mua đã thu hẹp đáng kể, cho thấy tâm lý thận trọng gia tăng trên diện rộng.
- Về mặt kỹ thuật, VN-Index đóng cửa vượt MA5, đà hồi phục ngắn hạn vẫn được duy trì. Tuy nhiên, thanh khoản thấp cùng độ rộng thị trường tiêu cực cho thấy các phiên tăng hiện vẫn mang tính hồi phục kỹ thuật, chưa đủ xác nhận tín hiệu tạo đáy hoặc kết thúc nhịp điều chỉnh. Do đó, chưa thể loại trừ khả năng chỉ số rung lắc trong phiên 08/06, kiểm định lại vùng hỗ trợ ngắn hạn tại 1.820–1.830 điểm.
- Đánh giá tổng quan, dòng tiền trong ba phiên gần đây có dấu hiệu thận trọng và thu hẹp dần khi VN-Index tiếp cận vùng giá cao. Vì vậy, tín hiệu tạo đáy vẫn chưa được xác nhận. Khuyến nghị chưa gia tăng tỷ trọng trên diện rộng; các vị thế ngắn hạn chỉ nên duy trì ở mức thăm dò.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
SAB	29/04/2026		Đang mở	47,800	47,500	0.6%	46,000	53,600		
PLX	05/06/2026		Đang mở	42,000	41,150	2.1%	39,700	47,800		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	207,000	3.40%	-2.04%	1,595,148	10.049	1,506	10.8	137.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VHM	152,000	1.33%	-2.56%	624,327	1.544	15,766	2.4	9.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VJC	184,600	6.95%	7.39%	109,211	1.408	4,290	4.2	43.0	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
BID	42,000	-1.52%	0.00%	305,763	-0.864	4,392	1.7	9.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VCB	61,700	-0.80%	-0.48%	515,545	-0.769	4,301	2.2	14.4	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
LPB	45,650	-1.72%	-12.21%	136,369	-0.436	3,738	2.8	12.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GVR	34,800	-1.56%	-0.29%	139,200	-0.402	1,572	2.4	22.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BSR	28,500	-1.38%	-4.20%	142,708	-0.366	2,612	2.1	10.9	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
FPT	75,000	-1.45%	4.75%	127,763	-0.343	5,691	3.3	13.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCB	31,700	0.79%	-3.21%	224,634	0.331	3,677	1.3	8.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	23,750	-0.84%	-1.04%	200,522	-0.311	2,499	1.4	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	33,900	-0.59%	-2.59%	263,299	-0.286	4,906	1.4	6.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPL	91,500	0.88%	-2.14%	164,087	0.268	1,405	4.3	65.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCX	39,800	-1.24%	-5.24%	110,401	-0.254	2,202	2.4	18.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	73,100	-1.22%	-2.14%	105,696	-0.238	3,268	2.9	22.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	83,600	-9.03%	-10.87%	75,222	-6.206	14,074	4.3	5.9	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
THD	130,500	-10.00%	6.79%	50,242	-4.590	271	11.3	481.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NVB	11,800	2.61%	3.51%	22,711	0.541	43	1.6	272.6	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KSV	157,500	-0.88%	0.83%	31,500	-0.254	13,090	5.2	12.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CEO	15,500	-2.52%	-3.13%	8,795	-0.202	354	1.4	43.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	19,800	-1.00%	-0.50%	19,818	-0.181	1,824	2.4	10.9	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
PVI	78,500	1.03%	0.38%	18,388	0.173	5,641	2.1	13.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	18,000	-1.10%	0.00%	16,190	-0.163	1,463	1.3	12.3	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
NTP	60,300	1.69%	0.33%	10,314	0.159	6,053	2.4	10.0	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	38,700	-0.77%	-0.77%	19,792	-0.139	3,781	1.3	10.2	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

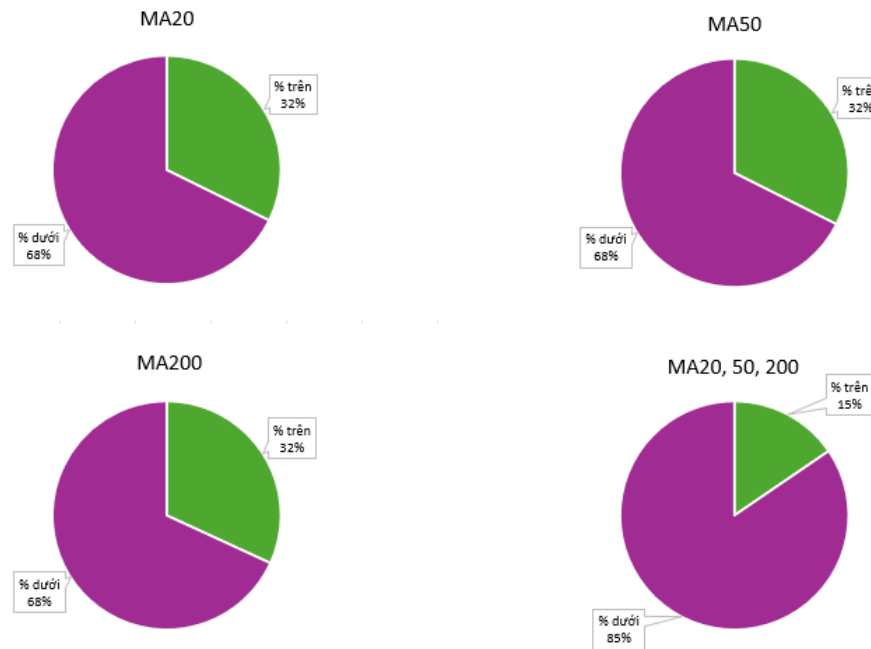
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	94,600	-1.46%	1.61%	289,272	-0.361	3,657	6.5	26.0	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
IDP	243,200	-14.67%	-12.68%	15,031	-0.188	5,055	4.5	48.1	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FOX	81,000	-1.22%	-0.49%	60,070	-0.063	4,791	5.1	17.0	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VCR	38,000	-7.32%	-9.31%	7,980	-0.050	-496	5.4	-76.6	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
SJG	23,500	4.44%	2.17%	10,976	0.042	3,937	1.4	6.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CC1	33,000	-2.94%	-2.94%	13,131	-0.033	589	3.0	56.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	44,000	-0.23%	0.23%	156,960	-0.030	2,980	2.2	14.7	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
SEA	48,500	5.66%	16.59%	6,062	0.029	1,641	2.4	29.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
F88	161,900	1.89%	-0.12%	17,778	0.029	6,543	7.3	24.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CMM	19,400	-14.91%	2.11%	2,227	-0.028	712	1.9	32.0	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
GEG	13,900	-1.1%	5.2	7.1	13,950	18,000	1.1	10.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
SCR	5,170	-1.5%	7.6	8.7	5,200	10,400	0.4	25.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
KSB	14,950	-1.0%	8.9	9.6	15,000	22,250	0.6	11.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
VFS	11,000	-2.7%	20.8	13.7	11,300	24,831	1.0	11.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
RYG	9,790	-0.1%	9.0	1.5	9,800	14,300	0.6	12.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	

KLGD ĐỘT BIẾN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
POM	4,300	-12.2%	12.7	4.1	1,500	8,100	-1.5	-1.4	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
DST	10,800	9.1%	13.6	1.9	4,000	13,600	0.9	151.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính	
HSL	5,250	6.9%	8.1	1.4	3,990	15,900	0.5	49.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính	
RYG	9,790	-0.1%	9.0	1.5	9,800	14,300	0.6	12.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
BVB	12,600	2.4%	50.4	15.7	11,200	16,900	1.1	15.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
MST	8,800	4.8%	28.0	17.5	5,091	9,000	0.9	35.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
TPB	16,200	1.6%	464.3	144.3	12,429	21,000	1.0	6.1	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			05/06/2026	04/06/2026	03/06/2026	02/06/2026	01/06/2026	29/05/2026	28/05/2026	27/05/2026
VNINDEX	MA200	Trên	24%	24%	23%	23%	26%	26%	26%	25%
		Dưới	76%	76%	77%	77%	74%	74%	74%	75%
	MA50	Trên	31%	32%	32%	32%	34%	36%	34%	38%
		Dưới	69%	68%	68%	68%	66%	64%	66%	62%
	MA20	Trên	29%	28%	28%	27%	30%	29%	31%	36%
		Dưới	71%	72%	72%	73%	70%	71%	69%	64%
VN30	MA200	Trên	40%	43%	37%	37%	43%	47%	47%	43%
		Dưới	60%	57%	63%	63%	57%	53%	53%	57%
	MA50	Trên	53%	53%	43%	50%	53%	57%	57%	70%
		Dưới	47%	47%	57%	50%	47%	43%	43%	30%
	MA20	Trên	33%	30%	20%	13%	27%	30%	33%	47%
		Dưới	67%	70%	80%	87%	73%	70%	67%	53%
HNX	MA200	Trên	34%	34%	33%	34%	32%	31%	31%	32%
		Dưới	66%	66%	67%	66%	68%	69%	69%	68%
	MA50	Trên	33%	37%	36%	36%	32%	32%	32%	36%
		Dưới	67%	63%	64%	64%	68%	68%	68%	64%
	MA20	Trên	34%	34%	33%	34%	32%	31%	31%	32%
		Dưới	66%	66%	67%	66%	68%	69%	69%	68%
UPCOM	MA200	Trên	33%	32%	34%	32%	33%	33%	32%	32%
		Dưới	67%	68%	66%	68%	67%	67%	68%	68%
	MA50	Trên	33%	33%	34%	32%	32%	32%	31%	31%
		Dưới	67%	67%	66%	68%	68%	68%	69%	69%
	MA20	Trên	35%	34%	35%	34%	34%	34%	34%	34%
		Dưới	65%	66%	65%	66%	66%	66%	66%	66%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 16	05 ↓	Tháng 6										Tháng 5								
		04	03	02	01	29	28	27	26	25	22	21	20	19	18	15	14	13	12	11
1 Ngân hàng	51	48	45	48	52	57	59	58	52	48	48	49	50	53	54	55	54	54	55	57
2 Du lịch và Giải trí	48	45	42	43	44	44	44	48	48	43	45	45	43	37	42	47	50	51	50	51
3 Tài nguyên Cơ bản	46	44	45	45	49	55	54	52	52	51	48	45	47	50	50	52	57	56	56	56
4 Dịch vụ tài chính	44	46	45	48	47	49	50	53	51	49	42	39	42	47	46	44	44	43	44	44
5 Ô tô và phụ tùng	42	37	39	41	43	42	39	31	28	28	29	31	33	31	31	31	31	32	33	39
6 Thực phẩm và đồ uống	41	42	40	41	43	43	45	45	45	47	46	45	47	47	48	48	49	49	52	52
7 Điện, nước & xăng dầu	38	38	30	35	34	42	43	41	42	37	38	37	40	40	40	40	38	36	35	36
8 Bảo hiểm	38	37	38	42	39	-	-	-	-	31	33	27	30	35	30	25	28	27	24	22
9 Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	38	36	34	36	36	41	42	43	43	43	48	51	53	55	53	52	54	52	52	52
10 Xây dựng và Vật liệu	38	38	38	38	33	38	39	38	39	28	30	29	31	32	33	37	42	43	44	45
11 Công nghệ Thông tin	35	36	33	28	22	24	24	27	26	28	29	28	26	22	20	17	16	12	12	13
12 Bất động sản	34	34	35	38	39	40	41	41	39	38	38	43	48	53	55	55	53	54	54	56
13 Bán lẻ	33	34	32	32	32	33	34	34	33	32	32	30	28	27	31	37	38	37	39	43
14 Dầu khí	32	30	24	26	29	37	35	39	42	46	53	57	56	62	62	56	57	50	41	37
15 Hóa chất	32	31	31	32	32	41	40	42	41	42	44	46	47	53	53	50	51	50	49	48
16 Hàng cá nhân & Gia dụng	18	19	19	20	20	21	21	23	24	24	25	24	24	25	25	26	28	28	29	34

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACB	26,150	-0.4%	5.0%	134,324	1.4	8.3	3,167	720.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VJC	184,600	7.0%	7.4%	109,211	4.2	43.0	4,290	315.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
OCB	12,300	-0.4%	6.5%	32,756	0.9	7.7	1,604	41.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
ABB	15,900	-0.6%	1.9%	22,365	1.3	5.1	3,173	12.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
AIG	50,700	-0.2%	4.5%	8,622	1.4	8.6	5,878	7.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KOS	38,750	0.3%	2.0%	8,389	3.6	441.7	88	22.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
PET	49,850	-0.7%	1.4%	5,320	2.2	18.1	2,758	17.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
C69	18,900	0.0%	4.4%	1,168	1.6	22.8	828	16.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DRI	14,500	-1.4%	2.8%	1,068	1.4	5.9	2,457	6.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MST	8,800	4.8%	7.3%	1,000	0.9	35.9	245	28.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DST	10,800	9.1%	56.5%	348	0.9	151.8	71	13.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
SAB	47,800	0.0%	1.8%	61,306	2.8	12.7	3,754	28.2	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
THD	130,500	-10.0%	6.8%	50,242	11.3	481.2	271	5.1	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSB	14,800	1.7%	-3.3%	46,176	1.1	7.9	1,884	110.8	Tích cực	7.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GMD	76,200	0.1%	5.4%	32,499	2.4	17.1	4,457	39.1	Tích cực	7.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
KDC	51,000	-0.4%	2.0%	14,780	2.2	24.3	2,100	57.6	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTR	91,500	0.0%	3.4%	10,466	4.7	16.7	5,489	25.0	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VVS	120,500	-3.5%	4.8%	2,594	3.2	5.6	21,443	14.3	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
AAN	22,250	0.9%	-5.3%	1,446	1.6	20.2	1,103	9.9	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGI	94,600	-1.5%	1.6%	289,272	6.5	26.0	3,657	34.1	Tích cực	6.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KBC	29,500	-1.7%	-3.3%	27,782	1.1	17.2	1,714	33.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCG	19,500	-1.0%	-2.7%	12,606	1.1	3.0	6,432	60.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ANV	21,000	-0.9%	-3.2%	5,591	1.5	5.3	3,992	6.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	22,800	-0.4%	0.7%	4,104	1.3	17.4	1,309	7.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	20,650	-0.2%	-1.0%	2,429	1.0	9.5	2,181	21.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VFS	11,000	-2.7%	-7.6%	1,694	1.0	11.9	927	20.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LHC	87,600	-3.0%	-3.7%	1,261	2.1	9.5	9,243	5.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	33,900	-0.6%	-2.6%	263,299	1.4	6.9	4,906	138.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	31,700	0.8%	-3.2%	224,634	1.3	8.6	3,677	185.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	26,450	-0.2%	-2.4%	209,852	1.2	8.0	3,314	182.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	23,750	-0.8%	-1.0%	200,522	1.4	9.5	2,499	331.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VNM	58,400	-0.3%	-1.4%	122,053	3.7	11.9	4,914	109.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MWG	78,000	-0.5%	2.2%	114,537	3.2	14.1	5,552	253.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCX	39,800	-1.2%	-5.2%	110,401	2.4	18.1	2,202	27.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	73,100	-1.2%	-2.1%	105,696	2.9	22.4	3,268	210.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	27,000	-0.4%	-1.8%	67,260	1.7	12.5	2,153	249.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPX	26,500	0.0%	-3.3%	49,688	1.5	11.7	2,263	5.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
EIB	21,100	-0.2%	-0.9%	39,303	1.5	52.6	401	60.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
REE	50,900	-0.6%	-3.4%	31,706	1.5	12.1	4,224	9.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	13,550	-2.2%	-10.3%	30,277	0.7	9.0	1,512	139.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	11,150	-0.45%	-5.51%	25,500	128.7%	(143)	0.9	-77.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	45,850	0.99%	-1.40%	91,200	98.9%	6,911	1.1	6.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	22,900	0.44%	1.55%	42,600	86.0%	1,077	1.4	21.3	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
SZC	22,800	-0.44%	0.66%	42,400	86.0%	1,309	1.3	17.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	25,950	-1.14%	-1.70%	45,800	76.5%	1,599	1.0	16.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
TV2	28,700	-1.03%	-1.88%	49,000	70.7%	1,971	1.5	14.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	14,350	-1.03%	-2.05%	23,100	61.0%	1,676	0.7	8.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	41,500	-1.66%	-1.89%	66,800	61.0%	2,896	2.1	14.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	23,200	0.87%	-0.85%	36,200	56.0%	1,798	1.3	12.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	75,000	-1.45%	4.75%	116,600	55.5%	5,691	3.3	13.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVS	38,700	-0.77%	-0.77%	60,000	55.0%	3,781	1.3	10.2	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PVT	20,000	-1.12%	-0.90%	30,800	54.0%	2,211	1.2	9.0	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	23,750	-0.84%	-1.04%	35,400	49.1%	2,499	1.4	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	21,600	0.93%	-0.92%	31,900	47.7%	(99)	1.4	-219.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	13,550	-2.17%	-10.26%	20,000	47.6%	1,512	0.7	9.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	33,900	-0.59%	-2.59%	50,000	47.5%	4,906	1.4	6.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	25,000	0.00%	0.00%	36,000	44.0%	3,442	1.4	7.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
VPB	26,450	-0.19%	-2.40%	38,000	43.7%	3,314	1.2	8.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FRT	124,800	-1.73%	-4.15%	178,800	43.3%	5,368	4.8	23.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	17,350	-1.42%	-0.86%	24,600	41.8%	3,419	1.2	5.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn